

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 34/2025/HS-ST
Ngày 15-12-2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hữu Bằng

Ông Phan Á

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Tuyết Mai – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 20/2025/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo:

Lê Phi Q, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1988 tại tỉnh Lâm Đồng; Căn cước công dân; nơi thường trú: Thôn A, xã L, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12, dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Phi A, sinh năm 1958 và bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1959; vợ con: Chưa có; tiền án: Ngày 13/11/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận (nay là Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng) xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, đã chấp hành án xong ngày 26/4/2024; tiền sự: Không; bị cáo đang tại ngoại, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Trương Văn T, sinh ngày 10/12/1999, Căn cước công dân ...; nơi thường trú: Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai. (Đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng: Bà Phạm Thị V, sinh ngày 13/02/1996, địa chỉ: Xóm I, thôn C, xã L, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 11/4/2025, Lê Phi Q đi bộ trên Đường V, rẽ vào đường H thuộc khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai. Khi đi qua nhà số A, Đường V, Q nhìn thấy xe mô tô biển số 77C1 398.83 của ông Trương Văn T đang dựng trước nhà, có gắn chìa khóa nên nảy sinh ý định trộm cắp. Quay đến bật chìa khóa, nổ máy rồi điều khiển xe mô tô biển số 77C1 – 398.83 đến ngã tư Quốc lộ A, phường T, tỉnh Gia Lai, thuê ô tô khách chở kèm theo xe mô tô đã chiếm đoạt về nhà ở thôn C, xã L, tỉnh Lâm Đồng. Đến ngày 24/4/2025, nhận thức hành vi trộm cắp là sai trái nên Q đến Công an phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định (nay là Công an phường H, tỉnh Gia Lai) đầu thú và giao nộp xe mô tô biển số 77C1 – 398.83.

Theo Kết luận định giá tài sản số 40/HĐĐGTS ngày 12/5/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã H, tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai): Xe mô tô biển số 77C1-398.83 có giá trị là 15.000.000 đồng.

Về việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ, sau đó trả lại xe mô tô biển số 77C1-398.83 và giấy chứng nhận đăng ký cho ông Trương Văn T. Hiện còn tạm giữ 01 USB ghi hình ảnh Lê Phi Q di chuyển trên đoạn đường H, Đường V.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Trương Văn T đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm. Ông T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại Bản Cáo trạng số 04/CT-VKSKV6 ngày 29/10/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai truy tố Lê Phi Q về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Phi Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

+ Về tội danh: Tuyên Lê Phi Q phạm tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

+ Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Phi Q từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

+ Về xử lý vật chứng: Không.

+ Về trách nhiệm dân sự: Không.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất hối hận và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của bị hại: Ông T đã có lời khai, lời trình bày và đề nghị xét xử vắng mặt. Sự vắng mặt của ông T không gây ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Phi Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 11/4/2025, vì muốn có xe mô tô để sử dụng, tại nhà số A, Đường V, khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai, bị cáo Q đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, lén lút chiếm đoạt xe mô tô biển kiểm soát 77C1-398.83 của ông Trương Văn T, có giá trị 15.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Q đã vi phạm pháp luật hình sự và Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai truy tố bị cáo Q về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người đúng tội.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất ổn định về an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ nhận thức, biết rõ trộm cắp tài sản là hành vi phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự để răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung tội phạm.

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo đã tự nguyện giao nộp xe mô tô để trả lại cho bị hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo đầu thú và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Các tình tiết này sẽ được xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

[6] Về hình phạt: Căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng của bị cáo và tính chất, mức độ của hành vi phạm tội. Xét thấy, cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại xe mô tô biển kiểm soát 77C1-398.83 và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã trả lại cho chủ sở hữu xe mô tô biển kiểm soát 77C1-398.83, không ai có tranh chấp hay yêu cầu gì nên không xem xét.

[9] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai đề nghị áp dụng pháp luật, mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với qui định của pháp luật. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội tự thú*” theo điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[10] Về án phí án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Q phải chịu 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào các điều 135, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Phi Q phạm tội Trộm cắp tài sản.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Phi Q 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.
3. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.
4. Về án phí: Bị cáo Lê Phi Q phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND khu vực 6 - Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- CQ CSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- CQ THAHS Công an tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Hoàng